

Số: 196/QĐ-CVI

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2020

### QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố công khai dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021

#### GIÁM ĐỐC CẢNG VỤ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA KHU VỰC I

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn công khai tài chính đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017;

Căn cứ Quyết định số 908/QĐ/TCCB-LĐ ngày 02/05/1996 và Quyết định số 3264/QĐ/TCCB-LĐ ngày 10/12/1996 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc thành lập "Cảng vụ Đường thủy nội địa khu vực I";

Căn cứ Quyết định số 2465/QĐ-BGTVT ngày 29/12/2020 của Bộ GTVT về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021 của Cảng vụ Đường thủy nội địa khu vực I (theo biểu đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Các Trưởng phòng, Trưởng đại diện có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Cục ĐTNĐ Việt Nam; (để b/c)
- Lưu: VT, P.TC.

GIÁM ĐỐC



Văn Trọng Dũng



Biểu số 2  
Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28  
tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

## DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số: 196/QĐ-CVI ngày 31/12/2020 của Cảng vụ ĐTNĐ khu vực I)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 21/12/20216 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/20218 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Cảng vụ Đường thủy nội địa khu vực I công khai dự toán thu - chi ngân sách quý I năm 2021 như sau:

ĐVT: Triệu đồng

| STT        | Nội dung                                          | Dự toán được giao |
|------------|---------------------------------------------------|-------------------|
| <i>I</i>   | <i>2</i>                                          | <i>3</i>          |
| <b>A</b>   | <b>Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí</b> |                   |
| <b>I</b>   | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                         | <b>19,983</b>     |
| <b>1</b>   | <b>Lệ phí</b>                                     | <b>1,837</b>      |
|            | Lệ phí ra vào cảng bến thủy nội địa               | 1,837             |
| <b>2</b>   | <b>Phí</b>                                        | <b>18,146</b>     |
|            | Phí bảo đảm hàng hải                              | 906               |
|            | Phí cảng vụ đường thủy nội địa                    | 17,240            |
| <b>II</b>  | <b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>           |                   |
| <b>1</b>   | <b>Chi sự nghiệp kinh tế đường thủy nội địa</b>   | <b>11,563</b>     |
| a          | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                    |                   |
| b          | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên              | 11,563            |
| <b>2</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                     |                   |
| a          | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                  |                   |
| b          | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ            |                   |
| <b>III</b> | <b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>      | <b>8,419</b>      |
| <b>1</b>   | <b>Lệ phí</b>                                     | <b>1,836</b>      |
|            | Lệ phí ra vào cảng bến thủy nội địa               | 1,836             |
| <b>2</b>   | <b>Phí</b>                                        | <b>6,583</b>      |
|            | Phí bảo đảm hàng hải                              | 906               |

|          |                                                 |              |
|----------|-------------------------------------------------|--------------|
|          | Phí cảng vụ đường thủy nội địa                  | 5,677        |
| <b>B</b> | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>           | <b>6,903</b> |
| <b>I</b> | <b>Nguồn ngân sách trong nước</b>               | <b>6,903</b> |
| <b>6</b> | <b>Chi hoạt động kinh tế đường thủy nội địa</b> | <b>6,903</b> |
| 6.1      | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                  | 6,363        |
| 6.2      | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên            | 540          |